

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HOÀNG SU PHÌ
TỈNH HÀ GIANG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2021/HSST
Ngày 26 - 3 - 2021

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HOÀNG SU PHÌ, TỈNH HÀ GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Phương.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông: Bùi Thanh Hưởng.

2. Bà: Hoàng Thị Nguyệt.

Thư ký phiên tòa: Bà Hà Thị Yến - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hoàng Su Phì, tỉnh Hà Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hoàng Su Phì, tỉnh Hà Giang tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Yến - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 3 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hoàng Su Phì, tỉnh Hà Giang mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 02/2021/TLST- HS ngày 05 tháng 3 năm 2021, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 03/2021/QĐXXST- HS ngày 16 tháng 3 năm 2021 đối với bị cáo:

*** TRẦN VĂN T** (Tên gọi khác: Không); Sinh ngày 30 tháng 7 năm 1990 tại huyện H, tỉnh T; đăng ký HKTT: Thôn , xã T, huyện H, tỉnh T; nơi cư trú: Thôn A, xã T, huyện H, tỉnh T; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: 10/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Trần Văn T1, sinh năm 1965 và bà Đàm Thị X, sinh năm 1964; vợ: Bùi Thị Huyền T2, sinh năm 1991; con: Bị cáo có 02 con; con lớn sinh năm 2010, con nhỏ sinh năm 2012; Tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Không; Bị cáo bị bắt tạm giam ngày 18/12/2020, hiện nay đang tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện Hoàng Su Phì, tỉnh Hà Giang. *(Có mặt)*.

*** Bị hại:** Anh Đặng Chòi V, sinh năm 1981; địa chỉ: thôn T, xã N, huyện H1, tỉnh H2 *(Có mặt)*

- *Người tham gia tố tụng khác.*

*** Người làm chứng:**

- Anh Đặng Chòi C, sinh năm 1966; địa chỉ: thôn T, xã N, huyện H1, tỉnh H2 *(Có mặt)*

- Bà Đàm Thị N, sinh năm 1960; địa chỉ: Tổ 01, thị trấn V, huyện H1, tỉnh H2. *(Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt)*

*** Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:**

- Anh Hà Văn T3, sinh năm 1989; địa chỉ: Xóm L, xã X, huyện T, tỉnh P *(Vắng mặt)*.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 12 giờ 00 phút ngày 18/12/2020, bị cáo Trần Văn T, sinh năm 1990, trú tại thôn A, xã T, huyện H, tỉnh T đã thực hiện hành vi trộm cắp 01 hộp số của máy vò chè mi ni tại xưởng chè của anh Đặng Chòi V, sinh năm 1981, tại thôn T, xã N, huyện H1, tỉnh H2. Giá trị tài sản bị cáo đã chiếm đoạt của anh V là: 2.100.000đ (*Hai triệu một trăm nghìn đồng*).

Tại phiên tòa bị cáo Trần Văn T khai: Khoảng 11 giờ ngày 15/12/2020 bị cáo một mình điều khiển xe máy nhãn hiệu LX MOTO, biển kiểm soát 19T6 - 1870 từ nhà lên thị trấn V, huyện H1, tỉnh H2 mục đích tìm mua cây phong lan. Sau khi đến thị trấn V, huyện H1 bị cáo nảy sinh ý định trộm cắp tài sản để bán lấy tiền tiêu sài cá nhân. Trong hai ngày 16 và 17 tháng 12 năm 2020, bị cáo điều khiển xe máy đi loanh quanh khu vực thị trấn V tìm tài sản sơ hở để trộm cắp, đến tối 17/12/2020 bị cáo mua 01 chiếc bao tải dứa màu đỏ cam với mục đích để đựng đồ trộm cắp, đêm 17/12/2020 bị cáo ngủ tại 01 ngôi nhà hoang ven đường ở khu vực km 05 hướng Hoàng Su Phì đi Bắc Quang. Khoảng 08 giờ ngày 18/12/2020, bị cáo một mình điều khiển xe máy đi theo hướng từ huyện Hoàng Su Phì đi Bắc Quang. Đến khoảng 12 giờ 00 phút cùng ngày bị cáo điều khiển xe đến khu vực xưởng chè ở xã N, huyện H1 (sau này bị cáo mới biết là nhà anh Đặng Chòi V). Bị cáo quan sát thấy xưởng chè anh V không có người trông coi nên điều khiển xe máy đi qua cách xưởng chè khoảng 100m thì dừng lại, đi bộ quay lại xưởng chè quan sát bên trong thấy có nhiều máy móc sản xuất chè có thể trộm đi bán được, bị cáo quay lại chỗ dựng xe máy mở cốp xe ra lấy mỏ lét bị cáo để sẵn ở trong cốp xe, rồi quay lại trèo vào bên trong xưởng chè qua lối ô hình chữ nhật phía trên cửa ra vào xưởng. Khi vào được bên trong xưởng chè, bị cáo dùng mỏ lét cầm theo tháo lần lượt 03 (*ba*) đai ốc dùng để cố định mô tơ của quạt gió với phần giá đỡ bên dưới, sau khi tháo xong bị cáo nhấc mô tơ ra nhưng không được vì mô tơ đã được hàn chặt cố định với quạt gió ở bên ngoài xưởng. Bị cáo nhìn thấy hộp số của máy vò chè mi ni gần đấy, cầm mỏ lét tiến đến tháo hộp số của máy vò chè mi ni, bị cáo dùng tay phải tháo lần lượt 06 (*sáu*) đai ốc dùng để cố định hộp số với phần khung bằng kim loại của máy vò chè từ trái qua phải theo chiều kim đồng hồ, rồi dùng tay lật miếng gỗ hình vuông được đặt bên trên máy vò chè ra. Sau đó bị cáo dùng hai tay bê hộp số ra phía cửa ngách cách vị trí ban đầu 05 (*năm*) mét thì bị chủ nhà anh Đặng Chòi V phát hiện bắt quả tang.

Cơ quan CSĐT Công an huyện H1 ra yêu cầu định giá tài sản số 01 ngày 18/12/2020, yêu cầu Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện H1 tiến hành định giá tài sản: “01 hộp số (máy vò chè mi ni) được mua năm 2016, đã qua sử dụng”.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 157 ngày 21/12/2020 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện H1 kết luận giá trị tài sản cần định giá là: 2.100.000 đồng (*hai triệu một trăm nghìn đồng*).

* Vật chứng của vụ án:

Quá trình điều tra Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện H1 đã thu giữ các vật chứng sau: 01 (một) xe máy nhãn hiệu LX MO TO, số loại 110, số máy P52EMH022787, số khung H1UMAXG22787, biển kiểm soát 19T6-1870; 01 (một) mốp lết 10inch, màu trắng –đen, phần tay cầm có dòng chữ DROPFORD STEEL; 01 (một) bao tải dứa màu đỏ cam; 01 (một) đoạn kim loại được uốn cong hình chữ U, hai đầu có rãnh xoắn; 01 (một) đăng ký xe mô tô, xe máy số 001751; 01 (một) hộp số máy vò chè mi ni; 04 (bốn) bu lông bằng kim loại màu đen; 09 (chín) đai ốc bằng kim loại màu đen, tất cả đã qua sử dụng.

Quá trình điều tra đã chứng minh làm rõ: 01 (một) đoạn kim loại được uốn cong hình chữ U, hai đầu có rãnh xoắn; 01 (một) hộp số máy vò chè mi ni; 04 (bốn) bu lông bằng kim loại màu đen; 09 (chín) đai ốc bằng kim loại màu đen thuộc sở hữu hợp pháp của anh Đặng Chòi V, xét thấy việc xử lý vật chứng không ảnh hưởng đến kết quả điều tra, do vậy cơ quan Cảnh sát điều tra đã tiến hành trao trả cho chủ sở hữu vào ngày 29/01/2021.

Vật chứng chuyển theo hồ sơ vụ án: 01 (một) xe máy nhãn hiệu LX MO TO, số loại 110, số máy P52EMH022787, số khung H1UMAXG22787, biển kiểm soát 19T6-1870; 01 (một) mốp lết 10inch, màu trắng - đen, phần tay cầm có dòng chữ DROPFORD STEEL; 01 (một) bao tải dứa màu đỏ cam; 01 (một) đăng ký xe mô tô, xe máy số 001751 (tất cả đã qua sử dụng) đã chuyển sang Chi cục thi hành án dân sự huyện Hoàng Su Phì để xử lý theo quy định.

Bản cáo trạng số 02/CT-VKS ngày 03/3/2021, Viện kiểm sát nhân dân huyện H1, tỉnh H2 đã truy tố bị cáo Trần Văn T về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa bị cáo Trần Văn T đã khai nhận hành vi phạm tội của mình như đã nêu trên, lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan CSĐT, lời khai của bị cáo phù hợp với lời khai người bị hại, lời khai người làm chứng, lời khai người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, biên bản khám nghiệm hiện trường, biên bản bắt người phạm tội quả tang cùng các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án.

Bị hại anh Đặng Chòi V đề nghị Hội đồng xét xử xử lý bị cáo T theo quy định của pháp luật nhưng có đề nghị giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Về dân sự: Do bị cáo đã tác động và nhờ gia đình bồi thường thiệt hại cho bị hại nên anh Vảng không yêu cầu gì thêm.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Hà Văn T3 vắng mặt tại phiên tòa nhưng họ đã có lời khai trong quá trình điều tra và không có yêu cầu và đề nghị gì đối với bị cáo.

Những người làm chứng khai phù hợp với nội dung cáo trạng, phù hợp với lời khai của bị cáo và diễn biến tại phiên tòa.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Hoàng Su Phì, tỉnh Hà Giang sau phần xét hỏi và tranh luận vẫn giữ nguyên quyết định truy tố bị cáo Trần Văn T về tội danh, điều luật như nội dung cáo trạng đã nêu. Đề nghị Hội đồng xét xử:

-Tuyên bố: Bị cáo Trần Văn T phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

- Hình phạt: Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 54 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Trần Văn T từ 03 tháng 08 ngày đến 06 tháng tù.

- Xử lý vật chứng: Áp dụng khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự, đề nghị:

- Tịch thu tiêu hủy:

+ 01 (một) mớ lết 10inch, màu trắng - đen, phần tay cầm có dòng chữ DROPFORED STEEL (đã qua sử dụng).

+ 01 (một) bao tải dừa màu đỏ cam (đã qua sử dụng).

- Trả lại cho bị cáo Trần Văn T:

+ 01 (một) xe máy nhãn hiệu LX MO TO, số loại 110, số máy P52EMH022787, số khung H1UMAXG22787, biển kiểm soát 19T6-1870 (đã qua sử dụng).

+ 01 (một) đăng ký xe mô tô, xe máy số 001751 (đã qua sử dụng).

- Không đề nghị áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo, do bị cáo không có thu nhập ổn định.

- Án phí: Bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Bị cáo không có ý kiến tranh luận với đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hoàng Su Phì, tỉnh Hà Giang.

Bị cáo thực hiện quyền nói lời sau cùng trước khi HĐXX nghị án: Bị cáo biết hành vi của bị cáo thực hiện là vi phạm pháp luật, bị cáo bị truy tố, xét xử là đúng, bị cáo rất hối hận và ăn năn về hành vi vi phạm của mình. Bị cáo xin được giảm nhẹ hình phạt, hưởng khoan hồng của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Quá trình điều tra, truy tố, xét xử các hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên đều được thực hiện trình tự, thủ tục theo đúng quy định của pháp luật, không có khiếu nại, tố cáo. Do đó hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về căn cứ định tội, định khung hình phạt: Tại phiên tòa bị cáo Trần Văn T đã khai báo và thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như nội dung vụ án nêu trên. Lời nhận tội của bị cáo phù hợp với lời khai nhận tội tại Cơ quan Cảnh sát điều tra cùng toàn bộ tài liệu chứng cứ khác lưu trong hồ sơ vụ án. Như vậy, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: Bị cáo Trần Văn T đã có hành vi trộm cắp 01 hộp sô của máy vò chè mi ni tại xưởng chè của anh Đặng Chòi V, tại thôn T, xã N, huyện H1, tỉnh H2. Giá trị tài sản mà bị cáo đã chiếm đoạt của anh Vảng là: 2.100.000đ (hai triệu một trăm nghìn đồng). Trong quá trình thực hiện hành vi phạm tội bị cáo đã bị phát hiện bắt quả tang. Hành vi phạm tội của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự. Do vậy, Viện kiểm sát nhân dân huyện Hoàng Su Phì, tỉnh Hà Giang truy tố bị cáo là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Về tính chất, mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội: Xét tính chất vụ án là ít nghiêm trọng, nhưng hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, gây mất trật tự trị an tại địa phương, trực tiếp xâm hại đến quyền sở hữu về tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ. Bị cáo đã lợi dụng sự sơ hở của chủ sở hữu tài sản để lén lút thực hiện hành vi trộm cắp để phục vụ nhu cầu cá nhân, bị cáo nhận thức được hành vi chiếm đoạt tài sản của người khác là vi phạm pháp luật, nhưng bị cáo vẫn cố ý thực hiện. Bản thân bị cáo là người trưởng thành, có đủ năng lực trách nhiệm hình sự nhưng không tu dưỡng, rèn luyện bản thân. Do đó, cần xử phạt bị cáo một mức án đủ nghiêm, tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo, nhằm răn đe, giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung.

[4] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng

[5] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra bị cáo Trần Văn T đã tác động và nhờ gia đình bồi thường thiệt hại, khắc phục hậu quả cho bị hại; bị cáo có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự, phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; sau khi thực hiện hành vi phạm tội đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, đồng thời bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Vì vậy, áp dụng điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự để giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo là phù hợp với quy định của pháp luật. Do bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ nên cần áp dụng Điều 54 BLHS xử dưới mức thấp nhất của khung hình phạt, như vậy cũng đủ tác dụng răn đe, giáo dục bị cáo trở thành công dân có ích cho xã hội sau này.

[6] Về hình phạt bổ sung: Do bị cáo là lao động tự do, không có thu nhập ổn định nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[7] Về trách nhiệm dân sự: Quá trình điều tra bị cáo Trần Văn T đã tác động nhờ bà Đàm Thị N, sinh năm 1960, trú tại tổ 1, thị trấn V, huyện H1, tỉnh H2 là bà của bị cáo bồi thường thiệt hại cho anh V số tiền 800.000đ (*Tám trăm nghìn đồng*). Tại phiên tòa bị hại Đặng Chòi V không yêu cầu bị cáo Trần Văn T phải bồi thường gì thêm, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[8] Về xử lý vật chứng:

- Quá trình điều tra, Cơ quan CSĐT Công an huyện Hoàng Su Phì, tỉnh Hà Giang đã thu giữ và trả lại cho bị hại Đặng Chòi V 01 (*một*) đoạn kim loại được uốn cong hình chữ U, hai đầu có rãnh xoắn; 01 (*một*) hộp số máy vò chè mi ni; 04 (*bốn*) bu lông bằng kim loại màu đen; 09 (*chín*) đai ốc bằng kim loại màu đen. Xác định được những vật chứng trên thuộc sở hữu hợp pháp của anh Đặng Chòi V, cần phải trả lại cho anh V, do vậy cơ quan Cảnh sát điều tra đã tiến hành trao trả cho chủ sở hữu theo Quyết định xử lý vật chứng số 02/QĐ-ĐTTH ngày 29/01/2021. Xét thấy, việc xử lý trả lại những vật chứng trên của Cơ quan điều tra là phù hợp, đúng quy định pháp luật nên chấp nhận.

- Vật chứng chuyển theo vụ án gồm:

- 01 (*một*) mỏ lết 10inch, màu trắng - đen, phần tay cầm có dòng chữ DROPFORD STEEL; 01 (*một*) bao tải dừa màu đỏ cam (*tất cả đã qua sử dụng*). Xác định các vật chứng trên là công cụ phạm tội, không còn giá trị sử dụng nên tịch thu tiêu hủy.

- 01 (một) xe máy nhãn hiệu LX MOTO, số loại 110, số máy P52EMH022787, số khung H1UMAXG22787, biển kiểm soát 19T6-1870. Xét thấy chiếc xe máy này bị cáo mua của anh Hà Văn T3 nhưng chưa làm thủ tục sang tên đổi chủ, nhưng xác định đây là tài sản hợp pháp của bị cáo nên cần trả lại cho bị cáo.

- 01 (một) đăng ký xe mô tô, xe máy số 001751, biển số đăng ký 19T6-1870 mang tên Hà Văn T3 (đã qua sử dụng). Xác định đây là giấy tờ chứng nhận quyền sở hữu nên cần trả lại cho bị cáo.

[9] Án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 173; điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1, khoản 3 Điều 54 Bộ luật Hình sự năm 2015; Điều 47 Bộ luật Hình sự; khoản 1, điểm a khoản 2, điểm a khoản 3 Điều 106; khoản 2 Điều 136 Bộ Luật tố tụng hình sự; Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

- Tuyên bố: Bị cáo Trần Văn T phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

- Xử phạt: Bị cáo Trần Văn T 03 (Ba) tháng 08 (Tám) ngày tù, thời hạn tù tính từ ngày bị bắt tạm giữ tạm giam ngày 18/12/2020.

- Căn cứ vào khoản 5 Điều 328 Bộ luật tố tụng hình sự. Tuyên trả tự do ngay tại phiên tòa cho bị cáo Trần Văn T, nếu họ không bị tạm giam về một tội phạm khác.

- Xử lý vật chứng:

+ Tịch thu tiêu hủy:

- 01 (một) mỏ lết 10inch, màu trắng - đen, phần tay cầm có dòng chữ DROPFORD STEEL (đã qua sử dụng).

- 01 (một) bao tải dừa màu đỏ cam (đã qua sử dụng).

+ Trả lại cho bị cáo Trần Văn T:

- 01 (một) đăng ký xe mô tô, xe máy số 001751 biển số đăng ký 19T6-1870 mang tên Hà Văn T3 (đã qua sử dụng).

- 01 (một) xe máy nhãn hiệu LX MO TO, số loại 110, số máy P52EMH022787, số khung H1UMAXG22787, biển kiểm soát 19T6-1870 (đã qua sử dụng).

Vật chứng được bàn giao tại biên bản bàn giao vật chứng giữa Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an huyện Hoàng Su Phì và cơ quan Thi hành án dân sự huyện Hoàng Su Phì ngày 03/3/2021.

- Án phí: Buộc bị cáo Trần Văn T phải chịu 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo, bị hại có quyền kháng cáo Bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo Bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao Bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Hà Giang;
- VKSND tỉnh HG;
- Sở tư pháp tỉnh Hà Giang;
- VKSND huyện HSP;
- ĐộiĐT Công an huyện HSP;
- Bị cáo; người TGT
- Chi cục THADS huyện HSP;
- Phòng PC 10, PV 06 CA tỉnh Hà Giang;
- CQ thi hành án hình sự CA huyện;
- Nhà tạm giữ CA huyện HSP
- Lưu HS - BP.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Minh Phương